

## LÀNG CỔ CỤ ĐÀ VÀ LỄ HỘI ĐÀN XÃ TẮC

LÊ THỊ TUYẾT\*

Qua một số tư liệu cổ và đặc biệt là việc phát lộ dấu tích của đàn Xã Tắc ở kinh đô Thăng Long vào tháng 11 năm 2006 và đàn Xã Tắc thuộc quần thể di tích cổ đồ Huế... cho thấy, việc tế thần Đất (Xã) và thần Lúa/Nông (Tắc) - hai vị thần quan trọng của nền văn minh lúa nước là một trong những nghi thức quan trọng của các triều quân chủ xưa.

Cùng với triều đình, ở các địa phương, việc lập đàn tế thần cầu mùa, cầu mưa cũng diễn ra khá phổ biến trong đời sống của cư dân nông nghiệp lúa nước, với quy mô nhỏ và giản đơn hơn rất nhiều so với cấp quốc gia. Hiện dấu tích của nghi lễ này vẫn còn lưu lại trong dân gian ở một số tỉnh vùng châu thổ Bắc Bộ. Một trong số đó là sự tồn tại đến ngày nay của đàn tế và cùng với di tích này là lễ hội gắn với đàn Xã Tắc, đàn Thần Nông hay còn gọi là đàn Thiên Địa tại làng Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Trong cuốn *Từ điển Hán - Việt*, "Xã Tắc" được tác giả Đào Duy Anh giải nghĩa là: "Thuở xưa dựng nước (...). Dân cần có đất ở nên lập nền Xã để tế thần Hậu thổ, dân cần có lúa ăn, nên lập nền Tắc để tế Thần Nông. Mất nước thì mất xã tắc, nên xã tắc cũng có nghĩa là quốc gia". Người xưa quan niệm, Xã là thần lớn nhất trong năm vị thần đất, Tắc là loại

quý nhất trong ngũ cốc. Trong đó, Tắc không có Xã thì không sinh trưởng được, Xã không có Tắc thì hoang vu. Vì vậy, cần phải tế cả Xã và Tắc.

Lễ tế Xã Tắc đã có ở nước ta từ xa xưa. Có thể nói, hai yếu tố đất đai và ngũ cốc đã chi phối hầu như toàn bộ hoạt động kinh tế của người Việt ngay từ buổi đầu lập nước. Và, cho đến ngày nay, trồng trọt vẫn là kế mưu sinh chủ đạo. Xã Tắc quan trọng đến mức trong nhiều sử liệu xưa khi nói đến "sơn hà, xã tắc" tức là nói đến những khái niệm thiêng liêng nhất của dân tộc, đó là quốc gia, là tổ quốc.

Tế thần Lúa/Nông là một tín ngưỡng có từ thời vua Hùng. Lễ nghi cầu mùa của cư dân nông nghiệp lúa nước vùng châu thổ Bắc Bộ được mô tả trên nhiều đồ đồng Đông Sơn, thể hiện khát vọng sinh sôi no đủ, mùa màng bội thu. Trải các thời đại quân chủ chuyên chế, phong tục này vẫn được duy trì và "lễ Tịch điền" hàng năm cũng là một nghi lễ có ý nghĩa tương tự ở cấp nhà nước. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi lại một điển tích: "Mùa xuân tháng 2 năm Mậu Dần (1038), vua ngự ra Bồ Hải cày ruộng tịch điền. Vua sai Hữu Ti dọn cỏ đắp đàn rồi thân tế Thần Nông, tế xong, vua tự cầm cày để làm lễ. Các quan tả, hữu có người can rằng: Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế? Vua nói: trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo? Nói xong, vua đẩy cày ba lần rồi thôi. Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông khôi phục lễ cổ,

\* Bảo tàng Lịch sử quốc gia



Đàn “Xã tắc” ở Cự Đà, Thanh Oai, Hà Nội - Ảnh: Trịnh Sinh

tự mình cày ruộng tịch điền để nêu gương cho thiên hạ, trên thì để cúng tôn miếu, dưới thì để nuôi muôn dân, công hiệu trị nước dẫn đến của giàu, dân đông...”.

Theo thời gian, ý nghĩa của việc tế đàn Xã Tắc cũng có những biến đổi, ngoài việc tiến hành các nghi thức cầu thần Đất và thần Lúa/Nông mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, người Việt còn làm lễ tế Trời, Đất cầu cho quốc thái dân an...

*Vài nét về làng Cự Đà*

Cự Đà là tên gọi của một làng cổ, truyền lại có độ tuổi khoảng 2000 năm cách ngày nay, thuộc xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Đây là một

dải đất uốn mình bên dòng sông Nhuệ, một phần tiếp giáp với thị xã Hà Đông, phần còn lại giáp với huyện Thanh Trì, Hà Nội. Về mặt cơ cấu địa hình, bản thân làng Cự Đà không có nhiều nét khác biệt với các làng Khúc Thủy, Khê Tang cùng xã. Đây là một làng có cấu trúc hình xương cá ven sông phổ biến của nước ta. Con đường chính của làng men theo dòng sông Nhuệ, cũng là con đường giao thông đường thủy quan trọng trong vùng thuở trước.

Nếu Đường Lâm là làng Việt cổ điển hình của vùng bán sơn địa, thì Cự Đà lại là ngôi làng cổ mang những đặc trưng cơ bản nhất của làng cổ ven sông.

Cho đến nay, trải qua nhiều biến cố, thăng trầm của lịch sử, làng vẫn giữ được gần như vẹn nguyên so với thuở ban đầu... Hầu hết các công trình quan trọng của làng, như đình, chùa, miếu, chợ, trụ sở thôn, xóm ở đây đều nhìn ra sông. Làng gồm 8 xóm chạy theo hình xương cá, cũng là một cấu trúc rất phổ biến ở làng vùng châu thổ Bắc Bộ. Dọc bờ sông có những bến nước để tiện cho thuyền bè cập bến vận chuyển hàng hóa đi các nơi. Hiện nay, ven sông Nhuệ vẫn còn những con cóc đá đội đèn đứng bên bến sông làm hiệu cho thuyền bè qua lại cập bến (từ những năm đầu thế kỷ XX).

Cự Đà là làng vẫn còn giữ được một số kiến trúc xây dựng cổ xưa, khá đặc trưng của vùng châu thổ sông Hồng, như chùa Linh Minh, đình Thượng, đình Trung và cũng là nơi có những dòng tộc lâu đời, như họ Trịnh, Đinh, Vũ, Vương, Nguyễn...

Hàng năm, cứ vào đúng ngày 14 tháng Giêng, người dân làng Cự Đà lại nô nức tổ chức lễ hội Đại kỳ phúc. Theo thông lệ, lễ Đại đám tổ chức 5 năm một lần. Vào năm tới - 2015, làng sẽ tổ chức Đại đám, tiến hành lễ rước Vũ Lôi Thần uy đại vương<sup>1</sup> (có công đánh giặc Ân thời Hùng Vương thứ VI) và Hoàng Thông Phả độ đại vương (thời Đinh Tiên Hoàng) - hai vị được dân làng thờ làm Thành hoàng.

Người Cự Đà đảm đang, khéo léo, giỏi làm ăn, nên phát triển kinh tế nhanh hơn các làng khác ở trong vùng. Do địa thế thuận lợi, có sông Nhuệ chảy qua, nên những người lái buôn, làm ăn lớn ở các nơi đều tập kết hàng ở bến Cự Đà, biến nơi đây trở thành một cảng sông buôn bán tấp nập. Bên cạnh đó, người làng Cự Đà đi buôn bán làm ăn xa, khi trở thành những doanh nhân nổi tiếng, họ trở về đầu tư dựng nhà, đóng góp xây dựng quê hương. Điều làm nên dấu ấn của Cự Đà là sự đan xen giữa những nếp nhà mái ngói truyền thống và những ngôi nhà mang phong cách kiến trúc Pháp, với các họa tiết trang trí độc đáo, hiếm gặp. Vào những năm đầu thế kỷ XX, Cự Đà nổi tiếng là một trong những nơi có nhiều doanh nhân thành đạt, như Cự Doanh, Cự Phát, Cự Nguyên, Vũ Tư Đường... Cùng với việc buôn bán, nhiều người Cự Đà còn mua ruộng ở khắp nơi để mở đồn điền trồng cây. Năm 1929, Cự Đà đã có điện. Đây là làng đầu tiên ở tỉnh Hà Tây xưa dùng điện từ máy nổ trong những

dịp hội làng. Bên cạnh nét đẹp của một làng nông nghiệp thanh bình bên dòng sông Nhuệ, làng còn có vẻ đẹp của phố phường. Đó là những ngôi nhà cổ và những công trình kiến trúc được xây dựng từ những năm 1920 - 1940 theo kiến trúc Pháp. Ven sông còn để lại một cột cờ, được xây dựng năm 1929, các di tích nhà Hội đồng, nhà Thọ từ, tức trường học xưa... tạo nên một quần thể kiến trúc công cộng khá hiện đại ngay từ rất sớm. Theo hồi ức của nhiều người, thì khi xưa Cự Đà không khác gì một khu phố thu nhỏ của Hà Nội, phục vụ tầng lớp giàu có trong làng.

Hiện nay, Cự Đà vẫn là một làng quê còn bảo lưu nhiều tín ngưỡng nông nghiệp mặc dù hầu hết đất nông nghiệp đã bị thu hồi, chuyển đổi để xây dựng khu đô thị mới.

#### *Quần thể di tích và lễ hội đàn Xã Tắc<sup>2</sup> ở Cự Đà*

Trong các làng Việt vùng châu thổ Bắc Bộ, di tích lịch sử - văn hóa luôn là không gian tâm linh, ẩn tàng những giá trị tinh thần của mỗi vùng quê. Cự Đà cũng vậy, lễ hội gắn với những di tích lịch sử đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người dân trong làng. Cự Đà là một làng cổ, phần lớn di tích ở làng đều đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa hoặc di tích cách mạng. Là một làng nông - thương, dù đất chật, người đông, nhưng nhiều di tích vẫn được xây dựng khá quy mô. Các di tích quan trọng ở làng gồm: đình Vật, quán đình Hát, miếu, am thờ đức Chúa Bà, chùa Cự Đà, Văn chỉ, đàn Xã Tắc...

Trong hệ thống đó, đáng chú ý là đàn Xã Tắc, một kiến trúc thuộc loại khá đẹp ở vùng châu thổ Bắc Bộ mà bài viết này đang đề cập đến. Hiện không còn ai biết trước đây quần thể di tích này như thế nào, có giống như đàn Xã Tắc được miêu tả trong các sử liệu? Bởi cho đến nay, đàn Xã Tắc ở Cự Đà còn lại chỉ tựa như một ngai thờ lớn, nằm giữa miếu và chùa làng, không còn công trình kiến trúc phụ nào kèm theo. Việc tế thần Đất, thần Lúa/Nông, lễ Phật hay Thành hoàng của người Cự Đà đã được định hình trong nhiều thế kỷ. Trong đó, nghi lễ tế thần Đất, thần Lúa/Nông cầu mùa hàng năm ở đàn Xã Tắc thường được người dân trong làng tổ chức vào mùa xuân, ngay sau lễ Đại kỳ phúc, nhằm ngày rằm tháng Giêng hàng năm. Đàn Xã Tắc hiện còn tại làng Cự Đà được lập vào năm



Khải Định thứ 6 (1921). Theo các cụ cao niên trong làng, trước kia, đàn này được dựng ở đình Vật, gần đây mới đưa về đặt trong khuôn viên của đình - miếu Cự Đà và ngay cạnh chùa làng.

Theo cụ Từ trông coi miếu, trước đây, việc làm lễ lên đồng, xuống đồng, tế Thần Nông được tổ chức 2 lần vào 2 vụ trong năm. Sau năm 1945, khi đàn Thần Nông bị hủy hoại, chức năng tế Thần Nông được thực hiện ở đàn Xã Tắc cùng với tế Thiên Địa. Lễ tế Trời Đất, tế Thần Nông được tổ chức vào ngày Rằm tháng Giêng cũng là vào mùa Xuân, lúc nông nhàn. Tại đây, lễ tế Thần Nông diễn ra cùng với lễ tế Trời Đất, để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, quốc thái dân an...

Trong ký ức của các cụ già trong làng, đây là ngày vui nhất, quan trọng nhất nhưng cũng bận rộn nhất của làng. Công việc tổ chức được chuẩn bị chu đáo trước khi vào lễ hội: vệ sinh đường xá, sửa sang sân đình, lau chùi đồ thờ, treo cờ, mở nhạc rộn ràng...

Lễ diễn ra vào thời khắc chính Ngọ, tức trước và sau 12 giờ trưa. Ban tế gồm 11 người: 1 ông Chủ tế; các ông Bồi tế đứng hai bên; 1 ông Đông xướng, 1 ông Chấp sự bên trái; 1 ông Tây xướng, 1 ông Chấp sự bên phải... Trước bàn thờ lớn, chủ tế và ban tế áo mũ chỉnh tề, hàng ngũ thẳng lối, nét mặt nghiêm trang, kính cẩn cúi đầu hành lễ. Lễ tế diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, với nhiều nghi thức thành kính. Ngay sau lễ tế chính thức, dân làng lên đàn dâng hương cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, đời sống no ấm. Đồ lễ được chuẩn bị khá phong phú, gồm nhiều loại: đồ mã, như áo mũ Thiên Địa, Ngai Đương niên hành khiển, Ngai Nam Tào, Bắc Đẩu, Ngũ phương, Ngũ đế...; cỗ mặn gồm một mâm xôi lớn, một con lợn luộc để nguyên con, oản, quả, hương hoa, trầu, rượu... Sau đó là các trò chơi dân gian trong ngày tết cổ truyền, như: đánh cờ, chọi gà...

Có thể nói, đàn Xã Tắc ở Cự Đà là một tiêu bản hiếm hoi còn lại đến ngày nay gắn liền với lễ tế thần Đất, Thần Nông... Tiêu bản này còn được nhiều nhà khoa học đánh giá là đàn Xã Tắc thuộc vào loại khá đẹp của vùng châu thổ Bắc Bộ, được chế tác từ đá xanh. Đàn có hình dáng tựa một ngai thờ lớn, chiều cao khoảng 3 mét, có 3 lư hương và được chế tác khá tinh xảo: mặt chính diện chạm đôi rồng chầu mặt nguyệt và mây, phía dưới là các con vật thiêng như lân, quy, phượng hợp lại thành "tứ linh", xung quanh là văn mây và sóng nước. Hai bên ngai là hai tượng rồng uốn, có vẩy, có chân, có móng, trong tư thế đang vươn ra ôm lấy 2 lư hương ở hai phía tả, hữu. Tiếp giáp mặt ngai thờ và đế là diềm hoa văn hình cánh sen. Phần chân đế cũng được trang trí rất cầu kỳ: chính giữa phía trước và hai bên cạnh là diềm trang trí hình 3 mặt hổ phù đang ngậm cuốn thư chữ Thọ và xung quanh là văn mây, sóng nước. Bốn chân đế là bốn đầu rồng tạo nên vẻ vững chãi uy nghi đáng quỳ. Phía dưới cùng là ba bậc đá được trang trí trở thung dạng văn mây, hồi văn và hình triện gần như chữ Vạn.

Đàn Xã Tắc ở Cự Đà thực sự là một di sản quý hiếm, có thể là hình ảnh thu nhỏ của đàn Xã Tắc nói chung, mà trên cơ sở của tiêu bản này có thể phục dựng lại các đàn Xã Tắc đã bị hủy hoại qua thời gian mà hôm nay chỉ còn là phế tích. Gắn với di sản văn hóa vật thể này, lễ hội làng Cự Đà là một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đã và đang được gìn giữ có ý nghĩa cổ kết cộng đồng, giúp con người nhớ về nguồn cội, hướng thiện và nhằm tạo dựng một cuộc sống an lành, hạnh phúc./.

L.T.T

**Chú thích và tài liệu tham khảo:**

- 1- Vũ Lôi: thần mưa và sấm chớp, gắn với nông nghiệp.
- 2- Cách gọi của dân địa phương.
- 3- Lê Văn Hưu, Phan Phù Tiên, Ngô Sĩ Liên (1272 - 1697), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch (1985 - 1992), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
- 4- Tài liệu lưu trữ của Ban Văn hóa Xã hội làng Cự Đà.

**Lê Thị Tuyết: Cự Đà Old Village and Grain Altar Festival**

As a typical old village in Northern Delta, Cự Đà is keeping many cultural historical heritage sites. Most remarkable place is a stone altar called Grain Altar by local residents. Annually there is a heaven and earth worship ceremony here. The altar has high values of carving, is a place to keep customs, to contribute to community coherence, to remember ancestors.